

BỘ QUỐC PHÒNG
ĐƠN 776

Số /CS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày... tháng... năm 1978

GIẢI ĐÁO TỬ

Lính gửi : ỦY BAN NHÂN DÂN

Quận 10 Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh

ĐƠN 776 của trên trong báo để ủy ban rõ :

- Là : ~~Phan Đình Thước~~ ... tuổi 1930
- Là : ~~Phan Đình Thước~~ Nhân viên kiêm kế toán dự (Nguy?)
- Đơn vị : Trung quân, Lê Thủy, Quang Bình
- Trú quán tại : 110 Tô Hiến Thành, Sài Gòn 10

Thành phố Hồ Chí Minh

- Đi tập trung : 15 tháng 6 năm 1975
- Bị bắt ngày 27 tháng 9 năm 1977
- Vì Bệnh Kết ty máu, Xuy tim máu, Xuy hô hấp nặng, không chịu chữa
- Địa điểm : Nhân Yên, Xã Mường Thái, Tỉnh Sơn La

Đơn vị phụ trách : Tổ công tác tại đơn vị cho anh Thường
theo đúng chính sách nhân đạo của Đảng
và Nhà nước đối với người có công, có hồ sơ tư
vọng và sơ đồ địa điểm mai táng hiện lưu trữ tại đơn vị

ĐỀ NGHỊ ỦY BAN

I/ Báo cho thân nhân anh : Trần Đình Thường
Là : ~~Kẻ~~ ... Nguyễn Thị Quy
Hiện ở : 110 Tô Hiến Thành, Sài Gòn 10
Thành phố Hồ Chí Minh biết.

2/ Trong quá trình học tập cải tạo : Thường
có nhiều tiến bộ, đã giác ngộ và không thực hiện công
đân 199, để nghị Ủy ban xét để giải thích anh Thường

Số 157
CHUNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khuất Liên (10/10/1989)
Ngày 22 tháng 9 năm 1989
UBND PHƯỜNG 10

ĐƠN 776

12/10/89
Đã nhận Khoa



1/ Ủy ban : Giữ hồ sơ có tại Ủy ban nhân dân Quận 10 về Ủy
ban nhân dân Quận 10 để làm việc về giải thích thân nhân anh
để Ủy ban có thông tin được phép đi
thăm mộ chí tại ... 1/

BỘ QUỐC PHÒNG
ĐƠN 776

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do - Hạnh phúc

Số /CS

Ngày...tháng...năm 1978

GIẤY ĐẠO TỬ

Lĩnh giải : ỦY BAN NHÂN DÂN

Quận 10 Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh

ĐƠN 776 lần trên trọng báo để ủy ban ra :

- Anh : ~~Phan Đình Thước~~ ...tuổi 1930
- Là : ~~Chiều tá~~ Nhân viên kiểm kê quân dụng (Nguy.)
- Binh cũn : ~~Trưng quân~~ , ~~Đe Thủy~~ , ~~Quảng Bình~~
- Trú quán tại : ~~Tổ Thiện Thành~~ , ~~Sài Gòn 10~~

Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị tập trung : ~~gặp tập~~ tại tạo ngày 15 tháng 6 năm 1975
- Bị chết ngày 27 tháng 9 năm 1977
- Vì Bệnh Kiệt lý máu , Xuy tìm máu , Xuy hô hấp nặng , không cứu chữa được
- Địa điểm : ~~Nhân viên~~ , ~~Xa Mường Thái~~ ..
~~Huyện Phú Yên~~ , ~~Tỉnh Sơn La~~

Đơn vị phụ trách đã tổ chức tang cho anh ~~Thường~~ theo đúng chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước , có đủ giấy tờ , có hồ sơ tử vong và sơ đồ địa điểm mai táng hiện lưu trữ tại đơn vị .

ĐỀ NGHỊ QUÂN DÂN

1/ Báo cho thân nhân anh : ~~Trần Đình Thường~~
Là : ~~Nguyễn Thị Quy~~
Hiện ở : ~~Tổ Thiện Thành~~ , ~~Sài Gòn 10~~ ..
~~Thành phố Hồ Chí Minh~~ biết.

2/ Trong quá trình học tập cải tạo anh : ~~Thường~~
có nhiều tích cực , đã được chuẩn bị khối thức tuyên công
đân , để nghị Ủy ban xét có gia đình anh .. ~~Thường~~

Số 15/ĐN
CHỦNG NHẬN CỦA ỦY BAN CHÍNH
Xuat báo ca. 1978 - 14 tháng 10
Ngày 22 tháng 7 năm 1979



VIỆN THƯ KÝ

~~Lê Thị Đức~~ có hai lần một lần thông báo về Ủy
phương , một lần nữa về Ủy ban nhân dân
~~Thường~~ ... có thể ... được phép đi
thăm mộ chỉ tại ...

Tỉnh, Thành, Thị trấn

(Province)

Quận, Thành-Phố Huế

(Arrondissement)

Làng, Đường, Phủ-Bình

(Village, quartier)

TRICH LỤC TRONG SỔ GIÁ THỦ NĂM

GIẤY KHAI GIA THỦ

Số hiệu 2/

(ACTE DE MARIAGE)

Tên họ người chồng. <i>Nom et prénom du mari.</i>	Trần-Dinh-Thường
Người chồng làm nghề gì và ở đâu (làng, huyện, tỉnh nào). <i>Sa profession et son domicile.</i>	Quân-Lục Việt-Nam, Trại-Huân-Luyện số 2 tại phường Phú-Bình, Thành-Phố Huế. Forces Armées Việt-nammiennes, Camp d'instruction No 2, Quartier Pau-Binh, ville Huế.
Người chồng sinh ngày, tháng, năm nào sinh ở đâu và chánh quán ở đâu. <i>Date et lieu de naissance.</i>	Hai mươi chín tháng tám năm một nghìn chín trăm ba mươi sinh và chánh quán Làng Trung-Quan, Quang-Ninh, Quang-Binh Né le vingt neuf août mil neuf cent trente et origine village Trung-Quan Quang-Ninh, Quang-Binh
Tên họ ông thân người chồng <i>Nom et prénom du père du mari.</i>	TRAN-DINH-HANH
Ông thân người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán <i>Son âge, sa profession son origine et son domicile</i>	Nam mười tuổi, chết, làm ruộng, sinh và chánh quán Làng Trung-Quan, Quang-Ninh, Quang-Binh. Cinquante ans, décédé, cultiv vateur, né et origine du village Trung- Quan, Phu de Quang-Ninh, Province Quang- Binh.
Tên họ bà mẹ người chồng <i>Nom et prénom de la mère du mari</i>	Dang-Thi-Ngo
Bà mẹ người chồng mấy tuổi sống hay chết rồi nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán. <i>Son âge sa profession son origine et son domicile.</i>	Bốn mươi bảy tuổi, chết, làm ruộng, sinh và chánh quán Làng Trung-Quan, Phú Quang- Ninh tỉnh Quang-Binh. Quarante sept ans, décédé, Ménagère, né et origine village Trung-Quan Phu De Quang-Ninh, Province Quang-Binh.
Tên họ người vợ. <i>Nom et prénom de l'épouse.</i>	Nguyễn-Thị-Quy
Người vợ làm nghề gì và ở đâu (làng huyện tỉnh nào). <i>Sa profession et son domicile.</i>	Nội trợ, Phường Phú-Bình, Thành-Phố Huế Ménagère, Quartier Phu-Binh ville Huế
Người vợ sinh ngày, tháng, năm nào sinh ở đâu, và chánh quán ở đâu. <i>Date et lieu de naissance.</i>	Mồng tám tháng mười năm một nghìn chín trăm ba mươi sinh ở Phú-Bình Thành- Phố Huế, chánh quán Phường Đông-My phố Đông-Hoi, Né le huit octobre mil neuf cente trente trois à Phu-Binh, Huế origine quartier Đông-My ville Đông-Hoi
Tên họ ông thân người vợ. <i>Nom et prénom du père de l'épouse.</i>	NGUYEN-HAN
Ông thân người vợ mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán. <i>Son âge, sa profession son origine et son domicile.</i>	Bốn mươi ba tuổi, Quân-Lục Việt-Nam Tiền-Đoàn 29, sinh và chánh quán Làng Đông-My Thành-Phố Đông-Hoi. Quarante et trois ans, Forces armées Việt-nammiennes 29^e BVN, né et originaire quartier Đông- My, ville Đông-Hoi.

Lễ chứng hôn
gặp mặt tại nơi
cưới

NGUYEN-THI-HUU

~~Son mười tuổi, nói tro sấm và chạch quạ~~

Phuong Dong-My Thành-Phò Dong-Hoi..
Quarante ans, Ménagère né et originaire quar-
tier Dong-My Ville Dong-Hoi.

Nguyễn Bám, ba mươi lăm tuổi, Quân-Lục
Việt-Nam Tiêu-Đoàn 29, sanh và chạnh qua
Phuong Phu-Binh, Thành-Phố Huế, Nguyễn-
Bám, trente cinq ans, Forcers armée Việt-
Namiennes, 29^e BUN, né à l'origine Quan-
Tien Phu-Binh Ville Huế.

Nguyen-Hoa, born muoi tuoi, the may sanh
va chanh quan Phuoc Phu-Binh Thanh-Pho
Huê: Nguyen Hoa, quarante ans, tailleur,
né et origine quartier Phu-Binh, Ville Huê

Tổng tam thang giăng, nam một nghìn chín
 trăm nam mươi bốn: Le huit janvier mil neuf
 cent cinquante quatre.

Vo chanh : femme légitime.

2004

tháng giêng (janvier) năm 1954

tháng

100

Ngày 14/01/2014
 Ông Nguyễn Văn
 Ông Nguyễn Văn

Attesty and M. B. N. C. F. 14. Q. 10

ỦY VIÊN THƯ KÝ

On
New
C

Ông thân :
HIEN • HUY
tôn

13a me:
N(19456)

Bà mẹ :
NGUYỄN THỊ HUU
ky-tên

NIỆN THỰC :
Đoàn viên Hồ tịch lòng

TRAN DINH THUONG
Kien An

Người vợ (1)
NGUYEN-TH
ky-tôn

Người làm chứng thứ nhất (1)
 NGUYỄN-BAM
 UY KÝ-TỬ

Người làm chứng thứ nhì (!)
NGUYỄN-HOÀ
Ký-tên

SAO Y NGUYEN DUONG
TU NGAY 1 THANG 3, 195
T. B. N. TINH TRUONG TRUONG THU

PHONG THICH-LUC DU-VIEN HO THICH LANG
ky-tên không rõ

PHIL-BING

CHU TICH
(ky-tên và đóng dấu)

Đông Hương-Chánh Phương Phó
 Ngày 14 tháng 1 năm 1954
 TUN. Tỉnh-Trưởng Tỉnh Thừa-Thiên (Quan-Trưởng Q. Cảnh-Sat Thừa-Thiên ký-tên và đóng dấu)

PHẢI BIẾT: Chỗ này không dùng phải kéo một nét nữa

Viên thư: Cho này Ủy-niên Hộ-tịch phải biên tên họ người đi lý ở bản chính trong sổ chứ không phải lấy chữ ký của Tây này dùng tạo hình si

Tỉnh, Thành, Thị trấn

(Province)

Quận, Thành-Phố Huế

(Arrondissement)

Làng, Đường Phú-Binh

(Village, quartier)

GIẤY KHAI GIA THƯ

Số hiệu 2

(ACTE DE MARIAGE)

Tên họ người chồng. <i>Nom et prénom du mari.</i>	Trần-Dinh-Thường
Người chồng làm nghề gì và ở đâu (làng, huyện, tỉnh nào). <i>Sa profession et son domicile.</i>	Quân-Lục Việt-Nam, Trại-Huân-Luyện số 2 tại phường Phú-Binh, Thành-Phố Huế. Forces Armées Việt-nammiennes, Camp d'in- struction No 2, Quartier Phú-Binh, Ville Huế.
Người chồng sinh ngày, tháng, năm nào sinh ở đâu và chánh quán ở đâu. <i>Date et lieu de naissance.</i>	Hai mươi chín tháng tám năm một nghìn chín trăm ba mươi, sinh và chánh quán Làng Trung-Quan, Quang-Ninh, Quang-Binh Né le vingt neuf août mil neuf cent trente et origine village Trung-Quan Quang-Ninh, Quang-Binh
Tên họ ông thân người chồng <i>Nom et prénom du père du mari.</i>	TRAN-DINH-HANH
Ông thân người chồng mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề nghiệp sinh quán và chánh quán <i>Son âge, sa profession son origine et son domicile</i>	Năm mươi tuổi, chết, làm ruộng, sinh và chánh quán Làng Trung-Quan, Quang-Ninh, Quang-Binh. Cinquante ans, décédé, cultiv- vateur, né et origine du village Trung- Quan, Phu de Quang-Ninh, Province Quang- Binh.
Tên họ bà mẹ người chồng <i>Nom et prénom de la mère du mari.</i>	Dang-Thi-Ngo
Bà mẹ người chồng mấy tuổi sống hay chết rồi nghề nghiệp sinh quán và chánh quán. <i>Son âge sa profession son origine et son domicile.</i>	Bốn mươi bảy tuổi, chết, nội trợ sinh và chánh quán Làng Trung-Quan, Phú Quang- Ninh tỉnh Quang-Binh. Quarante sept ans, décédé, Ménagère, né et origine village Trung-Quan Phu de Quang-Ninh, Province Quang-Binh.
Tên họ người vợ. <i>Nom et prénom de l'épouse.</i>	Nguyễn-Thi-Quy
Người vợ làm nghề gì và ở đâu (làng huyện tỉnh nào). <i>Sa profession et son domicile.</i>	Nội trợ, Phường Phú-Binh, Thành-Phố Huế Ménagère, Quartier Phú-Binh ville Huế
Người vợ sinh ngày, tháng, năm nào sinh ở đâu, và chánh quán ở đâu. <i>Date et lieu de naissance.</i>	Mười tám tháng mười năm một nghìn chín trăm ba mươi ba sinh ở Phú-Binh Thành- Phố Huế, chánh quán Phường Đông-My, tỉnh phủ Đông-Hoi, Né le huit octobre mil neuf cente trente trois à Phú-Binh, Huế origine quartier Đông-My ville Đông-Hoi
Tên họ ông thân người vợ. <i>Nom et prénom du père de l'épouse.</i>	NGUYEN-HAN
Ông thân người vợ mấy tuổi, sống hay chết rồi, nghề nghiệp, sinh quán và chánh quán. <i>Son âge, sa profession son origine et son domicile.</i>	Bốn mươi ba tuổi, Quân-Lục Việt-Nam Tiểu-Đoàn 29, sinh và chánh quán Làng Đông-My Thành-Phố Đông-Hoi. Quarante et trois ans, Forces armées Việtnamiennes 29è BVN, né et originaire quartier Đông- My, ville Đông-Hoi.

Là chữ để in trên sổ gia thư
gửi tại đây để biết các
trường hợp khác.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
ĐẠI HỘI VI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020727013**

Họ tên **NGUYỄN PHỊ QUÝ**

Sinh ngày **08-10-1933**

Nguyên quán **Đồng Mỹ,**

Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú **J. 10 Phố Hiến Thành**

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên Chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC ĐI HÌNH	
		Sẹo chằm cách 4cm trên trước đầu mày phải. Ngày 05 tháng 03 năm 1979 T. LƯU GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHỐ TRUNG ƯƠNG CÔNG AN QUẬN 10  Lê Văn Tý	
NGÓN TRỎ TRÁI		NGÓN TRỎ PHẢI	

Số: **158** 889
 CHỨNG NHẬN GIỚI THIỆU Y DƯỢC CHÍNH
 Xuất trình tại UBND Phường 10 Quận 10
 Ngày 22 tháng 7 năm 1989
 UBND PHƯỜNG 10
 Ủy viên Thư ký

 Lê Văn Tý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020727013**

Họ tên **NGUYỄN THỊ QUÝ**

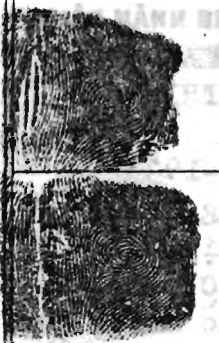


Sinh ngày **08-10-1933**

Nguyên quán **Đông Mỹ,**

Bình Trị Thiên.

Nơi thường trú **J. 10 Hồ Chí Minh**
Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên Chúa
	NGÓN TRỎ TRÁI NGÓN TRỎ PHẢI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 4cm trên trước dau mày phải. Ngày 05 tháng 03 năm 1979 T. UY GIẢM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN B. H. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10  <i>Phan Văn Huy</i>

S.S. 158 989
CHỨNG NHÂN GIỮNG Y BẢN CHÍNH
 Xuất trình tại Đ. B. 279 Quận 10
 Ngày 20 tháng 7 năm **1982**
 VIÊN THƯ KÝ


Lê Thị Đức

Village (quartier) Phước Bình
Thị trấn (Canton) Phước Bình
Huyện Phước Bình
Tỉnh (Province) Phước Bình

HÙNG H. HAY GIẤY
KHA NH



(Acte de notoriété tenant lieu D'ACTE DE NAISSANCE)

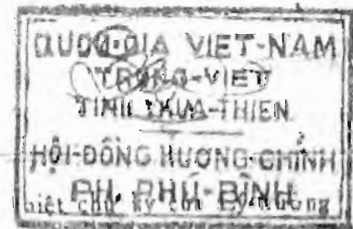
Tên họ đứa con nít (nom et prénom de l'enfant) Nguyễn Thị Quý
Trai hay gái (garçon ou fille) Gái
Sinh chỗ nào (lieu de naissance) Phước Bình, Thành phố Huế
Sinh ngày nào (date de naissance) Mùng hai tháng mười năm một ngàn chín trăm
thăm
Tên họ người cha (nom du père) Nguyễn Văn Hạng
Thông phép cưới phải kê tên họ mẹ mà thôi
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phước Bình, Thành phố Huế
Nghề nghiệp (sa profession) Nhà sản xuất Việt Nam
Tên họ người mẹ (nom de la mère) Nguyễn Thị Hiền
Nghề nghiệp (sa profession) Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phước Bình, Thành phố Huế
Vợ chánh hay thứ (femme légitime ou seconde rang) Chánh
Tên họ người khai (nom du déclarant) Nguyễn Văn
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi ba tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Quân lực Việt Nam
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phước Bình, Thành phố Huế
Tên họ người chứng thứ nhất (nom du 1er témoin) Nguyễn Văn
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi ba tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Thợ may
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phước Bình, Thành phố Huế
Tên họ người chứng thứ hai (nom du 2e témoin) Nguyễn Văn
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi ba tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Thợ may
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phước Bình, Thành phố Huế
Tên họ người chứng thứ ba (nom du 3e témoin) Nguyễn Văn
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi ba tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Thợ may
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phước Bình, Thành phố Huế
Làm tại (fait à) Phước Bình ngày (le) 24-11-1951

Người khai (le déclarant)
Nguyễn Văn
Thợ may

Lý trưởng (le maire du village)
Chuẩn tịch H.Đ.H.C

Những người chứng (les témoins)

1. Nguyễn Văn Hạng
2. Nguyễn Thị Hiền
3. Nguyễn Văn



QUAN TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUAN TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUAN TRƯỞNG ĐƠN VỊ



ngày tháng năm
RƯỜNG (Le Chef de la Province) S. H. Q. 2000 10
Ngày 20 tháng 1 năm 1952



Phường (Village, quartier)
Xã (Canton)
Huyện (Thanh phố)
Tỉnh (Province) Hòa Bình

HUNG HAY GIẤY
KHA NH



(Acte de notoriété tenant lieu D'ACTE DE NAISS.)

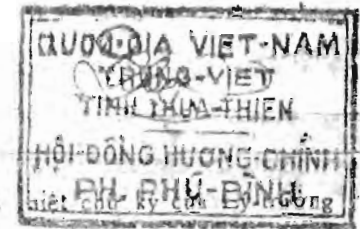
Tên họ đứa con nít (nom et prénom de l'enfant) Nguyễn Thị Quý
Trai hay gái (garçon ou fille) Gái
Sinh chỗ nào (lieu de naissance) Phường Phú Bình Thành phố Huế
Sinh ngày nào (date de naissance) mùng hai tháng mười năm một ngàn chín trăm năm mươi ba
Tên họ người cha (nom du père) Nguyễn Văn Hạng
Không phép cưới phải kê tên họ mẹ mà thôi
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phường Phú Bình Thành phố Huế
Nghề nghiệp (sa profession) quân lực Việt Nam
Tên họ người mẹ (nom de la mère) Nguyễn Thị Huệ
Nghề nghiệp (sa profession) Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phường Phú Bình Thành phố Huế
Vợ chánh hay thứ (femme légitime ou second rang) Chánh
Tên họ người khai (nom du déclarant) Nguyễn Văn Hạng
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi ba tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Quân lực Việt Nam
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phường Phú Bình Thành phố Huế
Tên họ người chứng thư nhất (nom du 1er témoin) Nguyễn Văn Hạng
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi bảy tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Không rõ
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Thành phố Huế
Tên họ người chứng thư hai (nom du 2e témoin) Nguyễn Văn Hạng
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi ba tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Không rõ
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phường Phú Bình Thành phố Huế
Tên họ người chứng thư ba (nom du 3e témoin) Nguyễn Văn Hạng
Mấy tuổi (son âge) Bốn mươi bảy tuổi
Nghề nghiệp (sa profession) Không rõ
Nhà cửa ở đâu (son domicile) Phường Phú Bình Thành phố Huế
Làm tại (fait à) Phường Phú Bình ngày (le) 24-11-1953

Người khai (le déclarant)
Nguyễn Văn Hạng

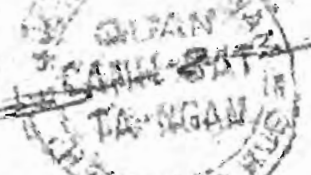
Lý trưởng (le maire du village)
Chu Văn H. D. H. C.

Những người chứng (les témoins)

CHỦ KÝ CỘNG
Nguyễn Văn Hạng
Nguyễn Văn Hạng
Nguyễn Văn Hạng



QUAN TRƯỞNG QUÂN ĐỘI
QUAN TRƯỞNG QUÂN ĐỘI



ĐANG THÔNG TRI

ngày tháng năm 1953
RƯỜNG (Le Chef de la Province) ĐANG THÔNG TRI
Ngày 24 tháng 7 năm 1953



Lưu trữ

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QH số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyền số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 15 tháng 07 năm 1983

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

SE.

07/83

CHỦM A - CÔNG - SẢN CHÍNH

Kuét to m... 10

ngày 2 năm 1983



Trưởng Ủy ban Nhân dân Quận

Lê Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Số

CHỨNG NHẬN TÍCH LŨY GAN CHÍNH

Khoản 19 Điều 10

Ngày 7 tháng 7 năm 1983



Trưởng Ủy ban Nhân dân



Trưởng Ủy ban Nhân dân

NAM - PHẦN
Ô - THANH SAIGON
Hành-Chánh Quận 6
Số hiệu: 3761

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SẢNH

Năm một ngàn chín trăm ~~sau~~ Năm mươi sáu (1956)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	MAC THU
Phối.	Nam
Ngày sinh	Mười tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu 20 giờ 40 phút,
Nơi sinh.	73, Đường Phạm Đình Hổ
Tên, họ người cha. . .	
Tuổi.	
Nghề-nghiep.	
Nơi cư-ngy.	
Tên, họ người mẹ. . .	MAC CAM (Người Quảng Đông, số giấy 99130)
Tuổi.	Ba mươi chín tuổi
Nghề-nghiep.	Quản Bận
Nơi cư ngý.	506, Đường Nguyễn Văn Thành
Vợ chánh hay thứ. . .	

Số. 154 589

CHÍNH-HẠNG Y SẮC CHỈNH
Mười tháng Y năm 1989
Ngày 22 tháng Y năm 1989



Làm tại Saigon, ngày 12 tháng 11 năm 1966

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÍNH:

Saigon, ngày 23 tháng 12 năm 1967.

TL. QUẢN TRƯỞNG QUẬN SÀI GÒN

[Handwritten signature]

NGUYỄN-THÀNH-VĨNH

NAM . PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đ-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Hành-Chánh Quận 6

Số hiệu : 3761



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANG

Năm một ngàn chín trăm ~~sáu~~ Năm mười sáu (1956)

Tên, họ đứa nhỏ	MAC THU
Phái	Nam
Ngày sinh	Mười tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu 20 giờ 40 phút,
Nơi sinh	73, Đường Phạm Đình Hổ
Tên, họ người cha	
Tuổi	
Nghề-nghiệp	
Nơi cư-ngụ	
Tên, họ người mẹ	MAC CAM (Người Quảng Đông, số giấy 99130)
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề-nghiệp	Buôn Bán
Nơi cư-ngụ	506, Đường Nguyễn Văn Thành
Vợ chánh hay thứ	

889

Số 157

CHƯƠNG TRÌNH Y BỔN CHÍNH

Khuất trích SAIGON 114 Quận 10

Ngày 22 tháng 7 năm 1967

UBND PHƯỜNG 34

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Làm tại Saigon, ngày 12 tháng 11 năm 1966

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÍNH :

Saigon, ngày 23 tháng 12 năm 1967

TH. QUẢN TRƯỞNG QUẬN SÁU

NGUYỄN-THÀNH-VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~G 2132 ER~~

Họ tên **MẠC TRƯ**



Sinh ngày **17/5/6**

Nguyên quán **Quảng Đông**

Trung Quốc.

Nơi thường trú **257 B Nguyễn Văn**

Thành Q6, Tr. ... Quận 1.

Dân tộc: <u>Đông</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
 NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH sen..ch..am..cách...3cm dưới..sau..đuôi..mắt..... trái:
	tháng 6 năm 1983 KIỂM DỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Thanh Vân</i> Lê Thanh Vân
 NGÓN TRỎ PHẢI	

Số: 158 189
 CHỨNG VIỆC CÔNG Y SẴN CHỈNH
 Xuất bệnh của bệnh nhân 10
 Ngày 22 tháng 7 năm 1983
 HƯỚNG DẪN
 VIỆC VIÊN THƯ KÝ

Lê Thị Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~G 219 888~~

Họ tên **MAC TRU**



Sinh ngày **7/5/56**

Nguyên quán **Quảng Đông**

Trung Quốc

Nơi thường trú **257B Nguyễn Văn**

Thành Q6, Tr. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: <u>Giã</u>		Tôn giáo: <u>Không</u>	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		sọc chấm cách 3,3cm dưới sau đuôi mắt trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày tháng năm 1993 KHAM DỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN  Lê Thanh Vân	

Số: 158 ¹⁸⁹
 CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
 Xuất trình tại UBND Phường 10 Quận 10
 Ngày 22 tháng 2 năm 1993
 UBND PHƯỜNG 10
 ỦY VIÊN THỦ KÝ

 Lê Thị Dư